

Thứ sáu, ngày 3 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giảm điểm phút cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/1/2020		●	
Tuần 6/1-10/1/2020		●	
Tháng 1/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, giá dầu tăng mạnh khi căng thẳng Trung Đông có diễn biến tiêu cực mới đã hỗ trợ đà tăng cho nhóm ngành Dầu khí với các mã như GAS, PLX, PVD, PVS. Đây cũng là nhân tố nâng đỡ VN-Index trong phần lớn thời gian giao dịch. Tuy nhiên, trong phiên chiều, sự phân hóa mạnh của ngành Ngân hàng đã khiến cho chỉ số lùi về dưới mốc tham chiếu trong phiên ATC. Thị trường nhìn chung giao dịch có phần khởi sắc hơn khi thanh khoản tăng nhẹ và khối ngoại quay trở lại mua ròng trên HSX. Chỉ số đang hình thành ngưỡng hỗ trợ khá vững quanh vùng giá 960 điểm và có thể sẽ thử thách ngưỡng kháng cự cao hơn trong tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 3/1/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_ Dầu khí 0.4%, 6/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**, con số này của VNINDEX là -0.2%

Phân tích kỹ thuật: TDH_Hưng phần (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.53 điểm**, đóng cửa 965.14. HNX-Index **-0.60 điểm**, đóng cửa 102.39.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.29); VHM (+0.29); PLX (+0.21); VNM (+0.20); MSN (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.96); NVL (-0.41); BID (-0.24); MWG (-0.22); CTG (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,464 tỷ đồng**, +9.7% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.74 điểm. Thị trường có 172 mã tăng, 45 mã tham chiếu và 173 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **153.21 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (120.21 tỷ), VNM (38.05 tỷ) và VRE (37.29 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **7.57 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

965.14

Giá trị: 2464.3 tỷ

-1.53 (-0.16%)

Khối ngoại (ròng): 153.21 tỷ

HNX-INDEX

102.39

Giá trị: 249.82 tỷ

-0.6 (-0.58%)

Khối ngoại (ròng): -7.57 tỷ

UPCOM-INDEX

56.65

Giá trị: 157.72 tỷ

0 (0%)

Khối ngoại (ròng): -7.17 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	63.1	3.15%
Giá vàng	1,546	1.10%
Tỷ giá USD/VND	23,173	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,882	-0.25%
Tỷ giá JPY/VND	21,470	0.59%
LS liên NH 1 tháng	3.5%	-0.95%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-3.04%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	120.2	PVD	-24.3
VNM	38.1	VCI	-20.0
VRE	37.3	VCB	-12.3
MSN	26.1	VIC	-7.5
E1VFN30	15.2	PLX	-5.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **6/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**, con số này của VNINDEX là -0.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **6/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **1/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Dầu khí	0.4%	0.6%	-3.0%	-4.9%	-10.5%	6.7%	20.7%	23.0%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.4%	-2.4%	-9.7%	-3.7%	3.8%	57.9%	17.2%
Lãi suất giảm	0.2%	1.5%	-0.6%	-6.5%	-7.7%	2.1%	52.3%	17.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.9%	-1.3%	-2.4%	-0.8%	10.9%	79.3%	13.7%
FTSE Việt Nam	0.1%	1.3%	-0.5%	-1.2%	1.4%	14.3%	90.0%	14.8%
Chiến tranh thương mại	0.1%	1.7%	-1.4%	-5.4%	-10.4%	4.6%	13.0%	15.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	0.4%	-3.2%	-4.6%	-12.1%	-9.4%	46.5%	21.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.3%	-0.4%	-2.4%	-1.2%	-0.3%	8.9%	5.9%	18.5%
Ngân hàng	-0.5%	2.4%	3.5%	2.9%	15.8%	21.1%	95.5%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.5%	1.5%	0.4%	-1.2%	7.0%	18.5%	87.5%	16.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.5%	1.1%	1.6%	1.0%	13.4%	31.4%	126.5%	18.8%
BDS & Khu công nghiệp	-0.5%	0.0%	0.1%	-2.6%	-1.4%	8.1%	60.6%	16.3%
Xây dựng	-0.6%	1.2%	-1.6%	-15.2%	-14.5%	-13.0%	21.9%	18.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.6%	0.7%	-0.9%	-5.5%	-0.3%	6.7%	59.5%	14.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.6%	2.4%	1.9%	0.4%	8.2%	12.4%	52.5%	19.5%
VN FinSelect	-0.6%	2.2%	1.3%	-0.4%	6.0%	9.8%	45.0%	18.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.9%	-0.9%	-0.2%	2.1%	-4.9%	18.3%	50.9%	14.4%
VN Diamond	-0.9%	1.2%	1.0%	-1.8%	11.3%	17.4%	73.2%	16.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.1%	0.8%	0.8%	-1.8%	9.9%	17.2%	78.4%	17.2%
Nước & Năng lượng	-1.1%	-0.9%	-2.9%	-6.0%	-9.1%	7.1%	44.6%	14.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 17	0.3%	0.0%	-4.6%	-8.8%	-4.0%	19.2%	137.8%	18.7%
Danh mục 9	0.3%	1.0%	0.3%	-4.3%	1.6%	10.8%	61.8%	15.3%
Danh mục 11	0.1%	1.3%	-2.0%	-8.6%	-2.9%	13.2%	77.2%	19.0%
Danh mục 6	-1.2%	-0.3%	-2.4%	-7.9%	2.0%	10.6%	90.4%	21.6%
Danh mục 12	-1.6%	-0.2%	-0.5%	-1.3%	3.4%	22.0%	78.9%	18.4%
* Note	6/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.1%	1.0%	-2.6%	-5.6%	4.6%	28.2%	127.9%	17.8%
Danh mục 19	-0.4%	0.6%	1.5%	0.2%	8.7%	24.9%	67.6%	15.3%
Danh mục 23	-0.5%	-0.6%	-5.1%	-7.3%	-6.8%	17.2%	95.7%	18.7%
Danh mục 21	-0.8%	1.0%	0.5%	-2.5%	6.7%	19.7%	65.9%	15.6%
Danh mục 24	-0.9%	-0.1%	-1.1%	-4.1%	2.9%	24.7%	93.8%	20.0%
* Note	1/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-0.2%	0.7%	-0.1%	-1.8%	-0.4%	8.1%	45.3%	15.5%
VN30INDEX	-0.4%	1.3%	0.0%	-2.7%	1.3%	3.3%	42.8%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

1/3/2020

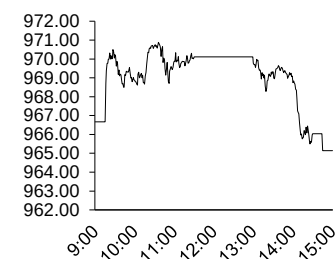
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

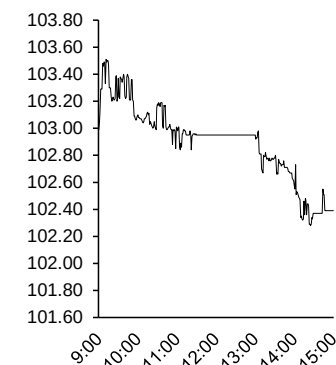
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Xây dựng và Vật liệu	-1.7%
Công nghệ Thông tin	-1.0%
Bảo hiểm	-0.5%
Truyền thông	-0.2%
Y tế	-0.2%
Dịch vụ tài chính	-0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%
Bất động sản	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.3%
Hóa chất	0.5%
Ngân hàng	0.6%
Thực phẩm và đồ uống	0.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.8%
Du lịch và Giải trí	1.0%
Bán lẻ	1.4%
Ô tô và phụ tùng	1.6%
Dầu khí	2.0%
Tài nguyên Cơ bản	2.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TDH_Hưng phần

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: TDH trong gần 2 tháng nay đã vận động tích lũy tại khu vực xung quanh mệnh giá 10. Tuy nhiên, trong ngày hôm nay thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh đã đẩy giá TDH vượt khỏi ngưỡng kháng cự tại giá 10.25 để thiết lập trạng thái tăng ngắn hạn. Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang trong trạng thái tích cực. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn. Ngưỡng kháng cự kế tiếp của cổ phiếu nằm tại mốc 11. Nếu đà hưng phấn tiếp tục duy trì và đẩy TDH vượt mức giá này thì tiềm năng tiến tới kiểm tra ngưỡng kháng cự mạnh trong 9 năm của cổ phiếu tại vùng giá 13 là hoàn toàn có thể.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 2/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 2/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	60.99	-0.40%	-0.88%	8.10%	29.52%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.25	-0.23%	-0.79%	8.36%	18.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.72	-0.05%	-2.65%	9.30%	27.16%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1528.87	0.71%	1.18%	3.49%	18.19%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.03	1.12%	0.56%	5.02%	14.58%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	954.87	0.40%	0.76%	9.65%	6.07%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	560.70	0.18%	1.93%	5.70%	9.14%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.06	-11.70%	-11.83%	-16.41%	19.13%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	177.50	0.11%	2.01%	6.22%	1.31%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.14	-2.09%	-2.31%	2.10%	12.32%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.50	0.00%	0.00%	-20.13%	-19.35%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	127.15	-1.97%	-0.16%	3.46%	24.42%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.82	0.76%	-1.28%	7.79%	9.59%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3742.00	-1.06%	0.46%	0.70%	-3.13%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1810.00	-0.93%	-0.22%	1.12%	0.72%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.00	0.00%	0.55%	6.36%	28.67%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.68	0.87%	1.50%	-1.58%	-29.65%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent tăng 25 US cent lên 66,25 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 12 US cent lên 61,18 USD/thùng.
- Giá dầu tăng trong phiên vừa qua do căng thẳng gia tăng ở khu vực Trung Đông và những dấu hiệu cho thấy sự cải thiện trong quan hệ thương mại giữa Washington và Bắc Kinh. Tuy nhiên, USD mạnh lên cản trở xu hướng tăng của giá dầu. Đồng USD tăng khoảng 0,5% trong phiên vừa qua, hồi phục khỏi mức thấp nhất 6 tháng ở thời điểm cuối tháng 12/2019. USD tăng khiến cho tất cả những mặt hàng tính theo USD trở nên đắt đỏ hơn đối với những người mua bằng các đồng tiền khác.
- Tháng 1 này cũng là thời điểm Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và Nga (OPEC+) sẽ bắt đầu cắt giảm sản lượng sâu hơn trước. Cụ thể, ngoài mức giảm 1,2 triệu thùng trước đây, bắt đầu từ 1/1/2020 OPEC+ sẽ giảm thêm 500.000 thùng dầu mỗi ngày. Việc tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm cũng hỗ trợ giá dầu tăng. Tuần kết thúc vào ngày 27/12/2019, tồn kho dầu thô của Mỹ đã giảm 7,8 triệu thùng, nhiều gấp đôi mức dự báo của các nhà phân tích là giảm 3,2 triệu thùng.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,6% lên 1.525,57 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York tăng 0,3% lên 1.528,1 USD/ounce. Giá vàng tăng ở phiên đầu tiên của năm mới do giới đầu tư nghi ngờ khả năng chứng khoán phổ Wall sẽ tiếp tục tăng. Chứng khoán Mỹ đang đứng ở mức cao kỷ lục khiến nhà đầu tư lo ngại rằng nguyên nhân chứng khoán tăng mạnh gần đây là do môi trường kinh tế và chính trị bất ổn, và đó là lý do khiến nhà đầu tư lại hướng nhiều hơn tới mặt hàng vàng.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1,4%. Mặc dù nhiều thành phố lớn của Trung Quốc cảnh báo về mức ô nhiễm khói bụi song giá quặng sắt vẫn đi lên bởi các nhà máy thép có nhu cầu mua tích trữ giữa lúc sản lượng quặng của mỏ Vale SA (Brazil) dự báo sẽ giảm trong quý I/2020.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0,3% xuống 3.547 CNY/tấn, và giá thép cuộn cán nóng giảm 0,5% xuống 3.571 CNY/tấn.
- Ngày 1/1/2020, Ngân hàng TW Trung Quốc thông báo giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhằm bơm thêm tiền thúc đẩy nền kinh tế đang tăng chậm lại. Nhờ đó, giá thép tại Trung Quốc năm 2020 dự báo sẽ không thấp. Tuy nhiên, điều đó cũng chứng tỏ kinh tế nước này đang gặp khó.
- Tồn trữ thép cây tại Trung Quốc tăng tuần thứ 4 liên tiếp, trong khi tồn trữ thép cuộn cán nóng cũng tăng.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 2.45 US cent tương đương 1.6% xuống 1.297 USD/lb. Tính chung cả năm, giá cà phê Arabica tăng 27% sau khi giảm trong 2 năm liên tiếp 2017 và 2018. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 7 USD tương đương 0.5% lên 1,382 USD/tấn. Tính chung giá cà phê Robusta cả năm giảm 9.4% - năm giảm thứ 3 liên tiếp.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.11 US cent tương đương 0.8% xuống 13.43 US cent/lb. Tính chung cả năm, giá đường thô tăng 11.6% - năm tăng đầu tiên sau 2 năm giảm liên tiếp. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn London giảm 2.2 USD tương đương 0.6% xuống 359.2 USD/tấn. Tính chung cả năm giá đường trắng tăng 8%.

CÔ BÉ VÀ HÒN ĐÁ

Ngày xưa ngày xưa, có một cô bé nhỏ luôn mong muốn tìm kiếm cho mình một cuộc sống vẹn toàn. Một hôm, cô cầu xin thượng đế ban cho cô mọi thứ cô ao ước.

Thế là thượng đế xuất hiện và bảo với cô bé rằng: Con hãy đi theo con đường lộng gió phía trước, ở đó có hàng trăm triệu hòn đá nhỏ. Ta cho con kỳ hạn là 365 ngày để nhặt một hòn đá lớn nhất mà con có thể tìm thấy. Hòn đá càng to thì ta càng ban cho con nhiều hơn. Điều kiện đặt ra là khi con đi qua rồi thì không được quyền quay lại.

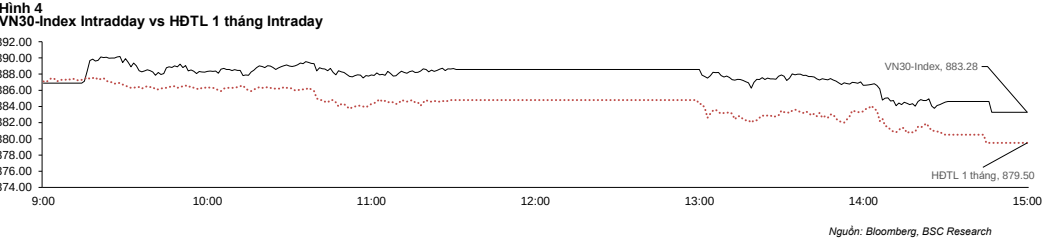
Cô bé cảm thấy thật sung sướng và bắt đầu bước vào hành trình của mình trên con đường lộng gió để tìm kiếm “hạnh phúc lớn nhất” cho cuộc đời cô. Nhiều ngày, nhiều tuần và nhiều tháng trôi qua rồi cô cũng đi gần hết con đường và chợt nhận ra rằng cô đang không còn đủ thời gian và cơ hội để chọn những hòn đá to. Vì vậy, cô đành phải nhặt một hòn đá nhỏ ven đường.

Cuộc sống cũng y như vậy. Chúng ta luôn tìm kiếm một người bạn đời hoàn hảo, một công việc hoàn hảo, một căn nhà hoàn hảo, một chiếc xe hoàn hảo... và không bao giờ nhận ra được rằng ta đang bỏ phí biết bao thời gian và cơ hội.

Không bao giờ có cái gọi là “hết sức đúng lúc” để nói một cách chính xác những gì bạn muốn bày tỏ vào chính xác một thời điểm nào đó với chính xác một người nào đó, hay làm chính xác một công việc mà bạn muốn làm trong đời.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2001	879.50	-0.77%	-3.78	-0.1%	70389	1/16/2020	13
VN30F2002	881.00	-0.69%	-2.28	-47.1%	176	2/20/2020	48
VN30F2003	889.60	-0.60%	6.32	170.2%	127	3/19/2020	76
VN30F2006	891.50	-0.41%	8.22	26.7%	38	6/18/2020	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -3.60 điểm xuống mức 883.28 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như NVL, FPT, MWG, EIB, và TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng mạnh vào đầu phiên sáng lên 890 điểm, sau đó giảm tiêu cực về dưới 885 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh vùng giá 880-890 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVHM1901	KIS	2/7/2020	35	4:1	100	-94.4%	5.0 triệu	21.70%	3,100	1,700	18.06%	199.30	8.53
CMSN1903	MBS	3/17/2020	74	5:1	76,150	n/a	1.0 triệu	26.48%	1,350	1,500	12.78%	801.00	1.87
CFPT1908	MBS	6/17/2020	166	3:1	46,740	n/a	2.4 triệu	20.96%	3,150	3,550	9.91%	2,015.90	1.76
CHPG1908	MBS	1/22/2020	19	2:1	108,780	164.1%	2.0 triệu	25.12%	1,450	1,870	5.06%	1,850.70	1.01
CVNM1906	VND	3/5/2020	62	2:1	53,960	-34.1%	1.0 triệu	18.36%	8,100	5,550	4.13%	3,007.80	1.85
CVRE1903	KIS	5/15/2020	133	2:1	51,110	142.5%	4.0 triệu	21.62%	2,700	2,210	3.76%	843.50	2.62
CHPG1907	SSI	4/22/2020	110	1:1	125,390	850.6%	1.0 triệu	25.12%	4,200	4,820	3.66%	3,652.60	1.32
CHPG1909	KIS	5/15/2020	133	2:1	155,140	73.7%	5.0 triệu	25.12%	1,800	1,490	2.76%	705.00	2.11
CMBB1905	HSC	4/8/2020	96	2:1	300,550	164.7%	5.0 triệu	17.74%	1,700	810	2.53%	135.00	6.00
CVNM1903	SSI	4/22/2020	110	1:1	26,420	169.3%	1.0 triệu	18.36%	26,600	14,450	1.62%	4,757.50	3.04
CVJC1902	SSI	4/22/2020	110	1:1	11,510	35.1%	1.0 triệu	13.78%	27,900	27,980	1.01%	19,961.80	1.40
CTCB1902	VND	6/5/2020	154	1:1	52,830	128.7%	2.0 triệu	21.57%	5,300	4,480	0.67%	3,328.10	1.35
CMSN1902	KIS	5/15/2020	133	5:1	181,430	172.8%	2.0 triệu	26.48%	1,640	960	0.00%	30.90	31.07
CVHM1902	SSI	4/22/2020	110	1:1	12,320	77.8%	1.0 triệu	21.70%	18,600	10,250	-0.39%	4,756.50	2.15
CVPB1901	VND	3/5/2020	62	1:1	52,900	-41.6%	2.0 triệu	20.23%	3,500	3,590	-3.23%	2,581.80	1.39
CFPT1905	SSI	4/22/2020	110	1:1	18,660	-29.6%	1.0 triệu	20.96%	9,900	7,600	-4.88%	4,602.10	1.65
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	19	5:1	87,150	216.1%	1.5 triệu	21.66%	2,220	1,800	-5.26%	1,606.80	1.12
CVNM1905	MBS	4/28/2020	116	10:1	89,790	1882.1%	1.5 triệu	18.36%	2,500	1,080	-8.47%	239.30	4.51
CMWG1907	HSC	4/8/2020	96	10:1	177,260	154.2%	5.0 triệu	22.21%	1,900	970	-10.19%	229.20	4.23
CFPT1906	HSC	4/8/2020	96	5:1	639,580	871.7%	5.0 triệu	20.96%	1,700	1,300	-10.96%	630.00	2.06
CGMD1901	MBS	4/28/2020	116	2.83:1	63,010	658.2%	1.5 triệu	18.23%	1,680	730	-15.12%	113.80	6.41
CFPT1907	VND	1/9/2020	6	2:1	191,360	156.3%	2.0 triệu	20.96%	4,200	2,280	-18.28%	2,320.90	0.98
Tổng:					2,330,780		40.50 triệu	21.27%**					
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 3/1/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CFPT1907 và CGMD1901 giảm mạnh lần lượt là -18.28% và -15.12%. CVHM1901 và CMSN1903 tăng mạnh nhất lần lượt là 18.06% và 12.78%. Thanh khoản thị trường tăng 66.26% CSTB1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.41% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, REE và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	24.15	0.63	0.34
MSN	57.50	0.88	0.32
VNM	118.30	0.34	0.28
VIC	115.30	0.26	0.19
VRE	34.60	0.73	0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	56.0	-2.61	-0.78
FPT	57.6	-1.71	-0.75
MWG	115.3	-1.45	-0.67
EIB	17.3	-2.54	-0.65
TCB	23.7	-0.63	-0.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM1901	102,288	89,888	85,200
CMSN1903	62,450	55,700	57,500
CFPT1908	64,500	54,000	57,600
CHPG1908	23,400	20,500	24,150
CVNM1906	130,225	114,025	118,300
CVRE1903	41,189	35,789	34,600
CHPG1907	25,200	21,000	24,150
CHPG1909	28,280	24,680	24,150
CMBB1905	26,400	23,000	21,250
CVNM1903	145,580	118,980	118,300
CVJC1902	157,900	130,000	148,000
CTCB1902	26,300	21,000	23,650
CMSN1902	86,089	77,889	57,500
CVHM1902	103,600	85,000	85,200
CVPB1901	21,500	18,000	20,400
CFPT1905	64,900	55,000	57,600
CPNJ1902	90,100	79,000	86,800
CVNM1905	150,725	125,725	118,300
CMWG1907	144,000	125,000	115,300
CFPT1906	65,500	57,000	57,600
CGMD1901	29,682	24,928	22,750
CFPT1907	61,400	53,000	57,600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	115.3	-1.5%	0.7	2,219	4.0	8,321	13.9	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	86.8	-0.7%	1.0	850	2.5	4,839	17.9	4.7	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	68.6	-0.6%	1.3	2,214	0.2	1,889	36.3	3.1	31.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.0	0.0%	0.7	311	0.0	2,801	11.1	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.3	0.3%	1.0	16,887	1.2	1,589	72.5	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.6	0.7%	1.1	3,418	1.9	1,033	33.5	2.8	32.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	-2.6%	0.8	2,361	0.7	3,187	17.6	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	36.5	-1.2%	1.0	492	1.1	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.9	-2.8%	1.5	318	1.5	3,215	4.3	0.8	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.3	-0.8%	1.4	403	0.6	1,769	10.3	1.0	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.0	0.0%	1.0	207	0.0	5,067	5.7	1.3	37.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.2	-1.4%	1.5	282	0.6	1,287	16.5	1.5	56.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.6	-1.7%	0.9	1,699	5.2	4,688	12.3	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	44.0	-2.4%	0.4	476	0.0	4,156	10.6	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	94.8	0.2%	1.6	7,889	0.9	5,886	16.1	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	57.1	1.1%	1.5	2,956	1.5	3,467	16.5	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.1	2.8%	1.6	376	3.6	2,062	8.8	0.7	21.7%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.1	-1.2%	0.8	1,092	0.7	1,163	7.0	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.2	-0.9%	0.5	518	0.1	4,535	20.1	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.8	-1.2%	0.8	218	0.2	650	19.7	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.4	-1.5%	0.6	148	0.1	625	10.3	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.9	-1.0%	1.3	14,497	2.1	5,274	17.0	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	46.7	-0.4%	1.6	8,166	1.2	2,109	22.1	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.3	-0.9%	1.6	3,448	3.4	1,641	13.0	1.1	29.5%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.4	-0.7%	1.2	2,162	1.3	3,341	6.1	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.3	0.2%	1.2	2,149	3.2	3,261	6.5	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.0	0.0%	1.1	1,657	1.1	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.0	-0.3%	0.8	160	0.1	5,073	8.9	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.5	-1.6%	0.3	134	0.0	4,603	6.8	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.2	0.0%	1.3	654	0.0	732	20.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.2	0.6%	1.0	2,899	8.2	2,526	9.6	1.5	38.0%	17.4%
HSG	Thép	8.0	-2.6%	1.6	147	1.1	890	9.0	0.6	17.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.3	0.3%	0.7	8,957	3.2	5,527	21.4	7.6	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	224.6	0.3%	0.8	6,262	0.2	7,365	30.5	8.1	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	57.5	0.9%	1.2	2,922	1.9	4,512	12.7	2.0	39.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	0.0%	0.6	474	0.9	440	42.3	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	74.2	0.3%	0.8	7,023	0.1	2,630	28.2	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	148.0	0.0%	1.1	3,371	2.3	9,850	15.0	5.7	19.5%	43.3%
HAV	Vận tải	34.1	-0.6%	1.7	2,103	0.2	1,747	19.5	2.7	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	22.8	-1.9%	0.8	294	0.4	1,949	11.7	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.4	-2.1%	0.6	200	0.2	2,571	6.4	1.1	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.0	-4.9%	1.0	473	0.8	8,338	8.2	3.4	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.0%	0.7	351	0.0	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	-1.4%	0.8	242	0.1	1,912	7.6	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	53.3	0.9%	0.7	177	0.3	9,842	5.4	0.5	47.6%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.1	-1.5%	1.1	501	0.1	1,557	16.8	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.1	2.2%	0.4	249	0.3	1,845	12.5	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.7	-1.7%	0.6	1,191	0.6	820	14.3	1.1	13.8%	7.8%
NT2	Điện	21.5	-1.4%	0.6	268	0.4	2,721	7.9	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	115.30	0.26	0.30	248940.00
VHM	85.20	0.35	0.29	394470.00
PLX	57.10	1.06	0.23	586600.00
VNM	118.30	0.34	0.20	625390.00
MSN	57.50	0.88	0.17	777690.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	18.10	2.84	0.12	4.53MLN
V21	29.50	7.27	0.02	100.00
SZB	31.50	4.30	0.02	3000.00
TIG	6.80	3.03	0.02	410400.00
VNT	46.40	9.69	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	89.90	-0.99	-0.97	536130.00
NVL	56.00	-2.61	-0.42	265990.00
BID	46.70	-0.43	-0.24	603940.00
MWG	115.30	-1.45	-0.22	791020.00
CTG	21.30	-0.93	-0.22	3.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.50	-2.99	-0.22	2.76MLN
VCS	68.00	-4.90	-0.12	268100.00
PGS	26.90	-5.28	-0.05	100.00
SHN	8.60	-4.44	-0.05	12200.00
NDN	16.80	-5.62	-0.05	822700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SBV	10.75	6.97	0.01	10490.00
GAB	18.55	6.92	0.01	121890.00
FIT	10.50	6.82	0.05	5.64MLN
RDP	8.00	6.81	0.01	80.00
FTM	2.21	6.76	0.00	581580.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BPC	11.20	9.8	0.00	500.00
QHD	21.40	9.7	0.01	100.00
VNT	46.40	9.7	0.01	100.00
HJS	27.20	9.7	0.01	100.00
TJC	7.10	9.2	0.00	400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
D2D	73.40	-6.97	-0.03	307170.00
LMH	7.39	-6.93	0.00	1300.00
VPS	10.15	-6.88	-0.01	10.00
UDC	3.81	-6.85	0.00	30.00
VPK	2.05	-6.82	0.00	5010.00

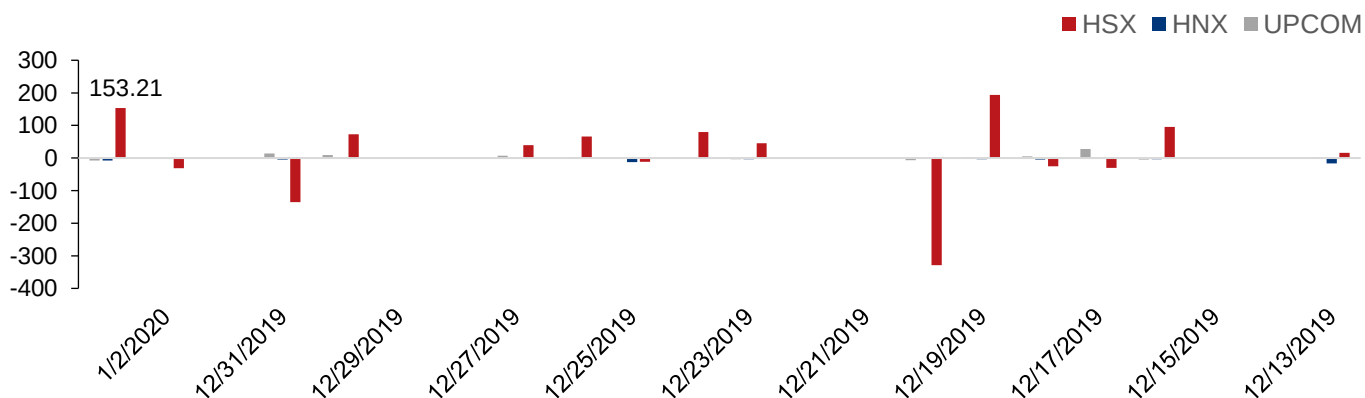
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	97800.00
HKB	0.50	-16.67	-0.01	4600.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	125700.00
VMS	8.10	-10.00	0.00	200.00
SMT	22.60	-9.96	-0.01	1000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	165.0	n/a	5.7	4.5	Click
2	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.2	0	14.3	0.5	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	115.3	8,321	13.9	4.5	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.0	3,585	6.4	1.5	Click
5	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.7	2,692	4.7	0.8	Click
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.7	2,660	8.9	1.4	Click
7	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	118.9	6,216	19.1	7.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.9	5,274	17.0	4.1	Click
9	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.7	9,530	3.2	1.6	Click
10	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.6	4,688	12.3	2.9	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.3	3,491	6.7	1.1	Click
12	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.6	2,246	7.8	0.8	Click
13	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	31.9	3,678	8.7	0.6	Click
14	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	57.5	4,512	12.7	2.0	Click
15	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	118.3	5,527	21.4	7.6	Click
16	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.5	2,887	7.4	1.5	Click
17	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	36.5	5,614	6.5	1.1	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	38.3	14,958	2.6	0.7	Click
19	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	22.2	26.3	8.1	2,279	3.5	0.5	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	23.0	3,585	6.4	1.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn